| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ TÂN CHÂU**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST
Ngày 31 – 3 – 2021
V/v tranh chấp, ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Dẫm

*Các Hội thẩm nhân dân*:

+ Ông Nguyễn Quốc Dũng;

+ Bà Nguyễn Thị Kim Khuyên.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Minh Sang là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 467/2020/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 về *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 46/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đặng Thị Thúy E, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 6, ấp Hòa Thạnh, xã Tân Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lâm Thành S, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ 4, ấp Hòa Tân, xã Tân Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị Thúy E trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Thúy E và anh Lâm Thành S tự tìm hiểu và yêu thương, sau đó được sự đồng ý cha, mẹ hai bên dẫn đến kết hôn vào năm 2004, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2004 (theo giấy chứng nhận kết hôn

số 30, quyển số I/2004, ngày 31/3/2004 do UBND thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu nay là phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho Lâm Thành S và Đặng Thị Thúy E). Cuộc sống hạnh phúc của vợ chồng kể từ khi kết hôn đến ngày 23/7/2016 thì xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống từ tháng 6/2020 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là sống không hợp nhau, thường xuyên cự cãi xung đột, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng bất đồng quan điểm. Chị Thúy E đã cố gắng hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ sống chung nhưng anh S không sửa sai, vẫn ăn chơi, không lo làm ăn, chăm sóc gia đình nên chị Thúy E thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn ngày càng gay gắt, không thể chung sống nhau được.

Trong khoảng thời gian không còn chung sống thì chị Thúy E và anh S không có liên lạc nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng kể cả cha, mẹ hai bên không hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị Thúy E và anh S. Nay chị Thúy E nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn sống chung với nhau được và yêu cầu ly hôn với anh S.

- *Về nuôi con chung*: Chị Thúy E và anh S có 02 con chung tên Lâm Chí K, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2004 và Lâm Phước Đ, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2008. Cháu K đang sống cùng với chị Thúy E; cháu Đ đang sống cùng với anh S. Khi ly hôn, chị Thúy E đồng ý giao các cháu K và Đ cho anh S được nuôi dưỡng, chị Thúy E không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, chị Thúy E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản ghi lời khai và hòa giải, tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Lâm Thành S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, thời gian không còn chung sống đúng như lời trình bày trên của chị Thúy E. Về nguyên nhân mâu thuẫn là sống không hợp nhau, thường xuyên cự cãi xung đột nhau, mâu thuẫn về tiền bạc ngày càng trầm trọng, vợ chồng bất đồng quan điểm. Trong khoảng thời gian không còn chung sống thì anh S và chị Thúy E có liên lạc nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị Thúy E không nghe máy, kể cả cha, mẹ hai bên không hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị Thúy E và anh S nhưng anh S nhận thấy tình cảm vợ chồng không mâu thuẫn nhiều, hàn gắn sống chung với nhau được, chị Thúy E yêu cầu ly hôn thì anh S không đồng ý ly hôn với chị Thúy E. Nay chị Thúy E cương quyết yêu cầu ly hôn, anh S đồng ý ly hôn với chị Thúy E.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Lâm Chí K, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2004 và Lâm Phước Đ, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2008. Cháu K đang sống

cùng với chị Thúy E; cháu Đ đang sống cùng với anh S. Anh Sáng có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đ và cháu K, không yêu cầu chị Thúy E cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Đặng Thị Thúy E vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Lâm Thành S vẫn giữ y ý kiến trình bày trên.

*- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu:*

*Về thủ tục tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 48, 70, 71, 72, 203 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Thúy E và anh Lâm Thành S; Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Thúy E và anh S, anh Lâm Thành S được nuôi dưỡng các cháu Lâm Chí K, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2004 và Lâm Phước Đ, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2008 đến khi con thành niên, có khả năng lao động được và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu K và cháu Đ, chị Thúy E không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

*Về án phí dân sự sơ thẩm:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn, chị Đặng Thị Thúy E chịu án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Đặng Thị Thúy E có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lâm Thành S, anh S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 4, ấp Hòa Tân, xã Tân Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Thúy E và anh Lâm Thành S tổ chức lễ cưới năm 2004, có đăng ký kết hôn năm 2004 (theo giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số I/2004, ngày 31/3/2004 do UBND thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu nay là phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho

Lâm Thành S và Đặng Thị Thúy E). Tại thời điểm kết hôn chị Đặng Thị Thúy E và anh Lâm Thành S đã đủ độ tuổi và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật bảo vệ.

Cuộc sống hạnh phúc của vợ chồng kể từ khi kết hôn đến ngày 23/7/2016 thì xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống từ tháng 6/2020 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là sống không hợp nhau, thường xuyên cự cãi xung đột nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng vợ chồng bất đồng quan điểm. Chị Thúy E đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để đoàn tụ sống chung nhưng anh S không sửa sai vẫn ăn chơi, không lo làm ăn, chăm sóc gia đình nên chị Thúy E cho rằng tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn ngày càng gay gắt, không thể chung sống nhau được. Nay chị Thúy E yêu cầu ly hôn với anh S.

Hội đồng xét xử, xét thấy chị Thúy E và anh S phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và trong thời gian không còn chung sống từ năm 2020, anh chị không tạo điều kiện thăm nom, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay, anh S có yêu cầu cùng chị Thúy E hàn gắn tình cảm vợ chồng về chung sống lại với nhau nhưng chị Thúy E cương quyết không đồng ý; anh S có thể hiện thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ qua mâu thuẫn để chung sống lại với nhau cùng nuôi con khôn lớn nhưng chị Thúy E vẫn cương quyết ly hôn với anh S và anh S đồng ý thuận tình ly hôn với chị Thúy E. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Thúy E và anh S.

[3] Về nuôi con chung: Chị Đặng Thị Thúy E và anh Lâm Thành S có 02 con chung tên Lâm Chí K, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2004 và Lâm Phước Đ, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2008. Cháu K đang sống cùng với chị Thúy E; cháu Đ đang sống cùng với anh S. Khi ly hôn, anh S yêu cầu được nuôi các cháu K và cháu Đ (cháu K và cháu Đ có nguyện vọng sống với cha là anh S). Anh S không yêu cầu chị Thúy E phải cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa chị Thúy E và anh S, anh Lâm Thành S được nuôi dưỡng các cháu Lâm Chí K, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2004 và cháu Lâm Phước Đ, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2008 đến khi con thành niên, có khả năng lao động được và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu K và cháu Đ, chị Thúy E không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lâm Thành S cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Đặng Thị Thúy E trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đặng Thị Thúy E và anh Lâm Thành S không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Thị Thúy E chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng.

[6] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Thúy E và anh Lâm Thành S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số I/2004, ngày 31/3/2004 do UBND thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu nay là phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho Lâm Thành S và Đặng Thị Thúy E không còn giá trị pháp lý.

2. *Về nuôi con chung*: Có 02 con chung tên Lâm Chí K, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2004 và Lâm Phước Đ, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2008. Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Đặng Thị Thúy E và anh Lâm Thành S, anh Lâm Thành S được nuôi dưỡng các cháu Lâm Chí K, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2004 và cháu Lâm Phước Đ, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2008 đến khi con thành niên, có khả năng lao động được, chị Đặng Thị Thúy E không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh S cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Thúy E trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Đặng Thị Thúy E chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006427 ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu. Chị Đặng Thị Thúy E đã nộp đủ án phí. Anh Lâm Thành S không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**Phạm Hữu Dẫm**